

**THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 103/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch  
trên địa bàn thành phố**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 và Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2007/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố về phê duyệt Tờ trình số 3580/TTr-UBND ngày 14 tháng 6

năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1364/TTr-STP-HT ngày 15 tháng 5 năm 2007,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch để áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố.

#### **Điều 2.**

1. Đối tượng nộp lệ phí theo mức thu quy định tại Biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Quyết định này là những người được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng được miễn nộp lệ phí đăng ký hộ tịch được áp dụng theo quy định tại điểm b, mục 1, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ “Miễn lệ phí hộ tịch về đăng ký kết hôn, đăng ký nuôi con nuôi cho người dân thuộc các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa; miễn lệ phí hộ tịch về đăng ký khai sinh cho trẻ em của hộ nghèo”.

3. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện đăng ký hộ tịch được quy định tại Điều 3 của Quyết định này có thẩm quyền xem xét và quyết định việc miễn nộp lệ phí đăng ký hộ tịch tại khoản 2 Điều này.

#### **Điều 3.**

1. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện đăng ký hộ tịch, đồng thời thực hiện tổ chức thu lệ phí đăng ký hộ tịch, bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Tư pháp thành phố.

2. Đối với việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, giao Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí, trả hồ sơ và quyết định việc miễn lệ phí hộ tịch theo quy định.

**Điều 4.** Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện được giữ lại 50% lệ phí thu được, Sở Tư pháp được giữ lại 40% lệ phí thu được để chi cho công tác trực tiếp đăng ký hộ tịch, tổ chức quản lý thu theo khoản 5 Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ; Số còn lại phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Số thu lệ phí được để lại, đơn vị phải tổng hợp vào nguồn thu

tài chính của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý Nhà nước.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn; Cá nhân thuộc đối tượng phải nộp lệ phí đăng ký hộ tịch quy định tại Điều 2 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 103/2007/QĐ-UBND  
ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Số TT	Công việc thực hiện	Đơn vị tính	Mức thu cho mỗi trường hợp
<b>Mục A</b>	<b>Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn</b>		
1	Khai sinh	đồng	5.000
2	Kết hôn	đồng	20.000
3	Khai tử	đồng	5.000
4	Nuôi con nuôi	đồng	20.000
5	Nhận cha, mẹ, con	đồng	10.000
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung hộ tịch	đồng	10.000
7	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	đồng	2.000/bản sao
8	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	đồng	3.000
9	Các việc đăng ký hộ tịch khác	đồng	5.000
<b>Mục B</b>	<b>Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận - huyện</b>		
1	Cấp lại bản chính giấy khai sinh	đồng	10.000
2	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	đồng	3.000
3	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch	đồng	25.000

<b>Mục C</b>	<b>Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân thành phố</b>		
1	Khai sinh	đồng	50.000
2	Kết hôn	đồng	1.000.000
3	Khai tử	đồng	50.000
4	Nuôi con nuôi	đồng	2.000.000
5	Nhận con ngoài giá thú	đồng	1.000.000
6	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ bản gốc	đồng	5.000/bản sao
7	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	đồng	10.000
8	Các việc đăng ký hộ tịch khác	đồng	50.000

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**